

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 373/2013/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 01 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý hoạt động của bến khách ngang sông, phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện phải đăng kiểm và phương tiện thủy thô sơ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 21/2005/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số 19/2005/BGTVT ngày 25 tháng 3 năm 2005 của Bộ Giao thông vận tải Quy định điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm;

Căn cứ Thông tư số 25/2010/TT-BGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 21/2011/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BGTVT ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về trang bị và sử dụng áo phao cứu sinh, dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Bắc Giang tại Tờ trình số 18/TTr-SGTVT ngày 11 tháng 4 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động của bến khách ngang sông, phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện phải đăng kiểm và phương tiện thủy thô sơ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 14/2006/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc Ban hành Quy định quản lý phương tiện thủy

loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm; phương tiện thủy thô sơ và quy định quản lý bến khách ngang sông.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lại Thanh Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Quản lý hoạt động của bến khách ngang sông, phương tiện
thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm
và phương tiện thủy thô sơ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

*(Ban hành theo Quyết định số 373/2013/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định quản lý hoạt động của bến khách ngang sông, phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm và phương tiện thủy thô sơ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý hoạt động, khai thác bến khách ngang sông; quản lý, sử dụng phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm và phương tiện thủy thô sơ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Quy định này không áp dụng đối với bến khách ngang sông và phương tiện thủy nội địa sau:

- a) Bến khách ngang sông và phương tiện thủy nội địa phục vụ an ninh, quốc phòng.
- b) Tàu, thuyền thể thao;
- c) Phà và các bến phà.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bến khách ngang sông* là bến thủy nội địa phục vụ vận tải hành khách ngang sông, kênh, hồ, đầm.

2. *Vùng nước bến khách ngang sông* là vùng nước trước bến và vùng neo đậu phương tiện, luồng vào bến (nếu có).

3. *Chủ bến khách ngang sông* là tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng bến.

4. *Chủ khai thác bến khách ngang sông* là tổ chức, cá nhân sử dụng bến khách ngang sông để kinh doanh khai thác.

5. *Người lái phương tiện vận tải khách ngang sông* là người trực tiếp điều khiển phương tiện chở hàng hóa, hành khách ngang sông.

6. *Cơ sở hạ tầng bến khách ngang sông* gồm những công trình và các trang, thiết bị phục vụ cho hoạt động của bến khách ngang sông như: Bến cập phương tiện, đường lên xuống, nơi hành khách chờ qua sông, báo hiệu đường thủy nội địa.

7. *Bến cập phương tiện* là vị trí phương tiện vận tải khách ngang sông đỗ để người và phương tiện đường bộ lên, xuống phương tiện.

8. *Phương tiện thủy thô sơ* là phương tiện không có động cơ chỉ di chuyển bằng sức người hoặc sức gió, sức nước.

9. *Bè* là loại phương tiện thủy thô sơ được ghép lại bằng tre, nứa, gỗ hoặc các vật nổi khác để di chuyển hoặc dùng làm phương tiện vận chuyển tạm thời trên đường thủy nội địa.

10. *Phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm* là phương tiện thủy nội địa không có động cơ có trọng tải toàn phần từ 1 tấn đến dưới 5 tấn hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người; phương tiện thủy có động cơ công suất máy chính dưới 5 sức ngựa và có sức chở dưới 5 người.

11. *Phương tiện thủy nội địa thuộc diện đăng kiểm* là phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 5 tấn trở lên hoặc có sức chở trên 12 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 mã lực trở lên và có sức chở từ 5 người trở lên.

12. *Vạch dấu mớn nước an toàn* là vạch đánh dấu trên phương tiện thủy nội địa để giới hạn phần thân phương tiện được phép chìm trong nước khi đang hoạt động.

13. *Mạn khô của phương tiện* là chiều cao của phần thân phương tiện thủy nội địa từ mép trên vạch dấu mớn nước an toàn đến mép boong tại vị trí giữa chiều dài lớn nhất.

14. *Trọng tải toàn phần của phương tiện* là khối lượng tính bằng tấn của hàng hóa, nhiên liệu, dầu bôi trơn, nước trong khoang, két, lương thực, thực phẩm, hành khách và hành lý, thuyền viên và tư trang của họ.

15. *Sức chở người của phương tiện* là số lượng người tối đa được phép chở trên phương tiện thủy nội địa, trừ thuyền viên, người lái phương tiện và trẻ em dưới 01 (một) tuổi.

Chương II **CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA BẾN KHÁCH NGANG SÔNG

Điều 4. Thẩm quyền quản lý bến khách ngang sông

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện) quản lý hoạt động của bến khách ngang sông; chấp thuận mở bến khách ngang sông; cấp, cấp lại Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông; đình chỉ hoạt động và tạm đình chỉ hoạt động bến khách ngang sông trên phạm vi địa giới hành chính do UBND cấp huyện quản lý.

Điều 5. Điều kiện an toàn để hoạt động vận tải khách ngang sông**1. Bến khách ngang sông**

a) Bến không nằm trong khu vực cấm xây dựng theo quy định của pháp luật; có địa hình, thủy văn ổn định bảo đảm cho phương tiện hoạt động an toàn, thuận lợi.

b) Có đường, cầu cho người, phương tiện giao thông đường bộ lên xuống an toàn, thuận tiện; có đủ thiết bị để phương tiện chở khách ngang sông neo buộc chắc chắn, an toàn; có đèn chiếu sáng nếu hoạt động ban đêm; có nơi chờ cho hành khách; có bảng niêm yết giá vé, có bảng nội quy bến khách ngang sông.

c) Bến khách ngang sông có phương tiện thủy nội địa lưu thông dọc sông phải lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa.

d) Bến khách ngang sông được phép chở ô tô, đường lên xuống và bến cập phương tiện phải bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp với loại xe được phép chở.

đ) Được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 4 Quy định này cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông.

2. Phương tiện vận tải khách ngang sông

a) Trang bị đủ số lượng áo phao, dụng cụ nổi cá nhân, đảm bảo đáp ứng đủ số lượng cho tất cả mọi người được chở trên phương tiện (bao gồm hành khách, thuyền viên và người lái phương tiện). Áo phao và dụng cụ nổi cá nhân phải đảm bảo chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quy định, được bảo quản khô ráo, sạch sẽ, bảo đảm tính năng an toàn kỹ thuật khi sử dụng và phải để ở chỗ thuận tiện, dễ nhìn thấy, dễ lấy, không làm che khuất tầm nhìn của người lái phương tiện.

b) Phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm và phương tiện thủy thô sơ phải đảm bảo các điều kiện an toàn để hoạt động theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

c) Phương tiện thủy nội địa thuộc diện đăng kiểm: Có Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.

3. Người lái phương tiện vận tải khách ngang sông: Có giấy chứng nhận học tập pháp luật giao thông đường thủy nội địa, bằng hoặc chứng chỉ lái phương tiện phù hợp với phương tiện theo quy định của pháp luật do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 6. Thủ tục chấp thuận mở bến; cấp, cấp lại Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông; đình chỉ hoạt động và tạm đình chỉ hoạt động bến khách ngang sông

1. Thủ tục chấp thuận mở bến, cấp, cấp lại Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông, đình chỉ hoạt động và tạm đình chỉ hoạt động bến khách ngang sông thực hiện theo quy định tại Điều 11, Khoản 2 Điều 13 và Điều 14 Thông tư số 25/2010/TT-BGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ vào bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (gửi trực tiếp hoặc chuyển qua đường bưu chính).

b) Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra, nếu hồ sơ hợp lệ viết giấy hẹn trả kết quả, nếu hồ sơ không hợp lệ hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện (trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu chính không hợp lệ, trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ hoặc gửi giấy hẹn trả kết quả nếu hồ sơ hợp lệ).

c) Phòng Kinh tế và Hạ tầng (đối với các huyện) hoặc Phòng Quản lý đô thị (đối với thành phố Bắc Giang) thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện an toàn, hoàn thiện kết quả và chuyển cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; trường hợp không giải quyết phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

d) Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (khi đến nhận kết quả phải xuất trình giấy hẹn, nếu nhận thay cho tổ chức, cá nhân phải có giấy ủy quyền).

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc đối với thủ tục chấp thuận mở bến; 5 ngày làm việc đối với thủ tục cấp, cấp lại Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quản lý quy định tại Điều 4 Quy định này có văn bản chấp thuận mở bến; cấp, cấp lại Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông.

4. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông thu, quản lý và sử dụng lệ phí cấp, cấp lại Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo quy định hiện hành.

Điều 7. Xử lý tai nạn trong vùng nước bến khách ngang sông

1. Việc cứu người và phương tiện thủy bị tai nạn xảy ra trong vùng nước bến khách ngang sông là nghĩa vụ bắt buộc đối với người lái phương tiện và các tổ chức, cá nhân đang hoạt động tại bến.

2. Khi phát hiện tai nạn hoặc nguy cơ xảy ra tai nạn, người lái phương tiện bị nạn phải lập tức phát tín hiệu cấp cứu theo quy định và tiến hành ngay các biện pháp cứu người, tài sản, đồng thời báo cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là UBND cấp xã) gần nhất để có biện pháp xử lý kịp thời.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền huy động mọi lực lượng; trang, thiết bị của bến và các phương tiện hiện có trong khu vực để cứu người, tài sản, phương tiện bị nạn.

4. Trường hợp phương tiện bị đắm, sau khi cứu người, tài sản, người lái phương tiện bị đắm phải đặt báo hiệu theo quy định và báo ngay cho chủ phương tiện để tiến hành trục vớt.

5. Trường hợp phương tiện đắm trong vùng nước bến khách ngang sông nhưng chủ phương tiện không trục vớt, trong thời hạn không quá 30 ngày thì UBND cấp xã nơi có bến có quyền tổ chức trục vớt. Chủ phương tiện phải chịu mọi chi phí, ngoài ra còn bị xử phạt nếu vi phạm các quy định về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa.

Mục 2**QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA LOẠI PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM VÀ PHƯƠNG TIỆN THỦY THÔ SƠ**

Điều 8. Thẩm quyền quản lý phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm; quản lý phương tiện thủy thô sơ

1. Phòng Kinh tế và Hạ tầng (đối với các huyện) hoặc Phòng Quản lý đô thị (đối với thành phố Bắc Giang) quản lý hoạt động của phương tiện thủy nội địa phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm; đăng ký lần đầu, đăng ký lại, cấp lại, đổi Giấy chứng nhận đăng ký và xóa đăng ký đối với phương tiện thủy phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm trên phạm vi địa giới hành chính của huyện, thành phố.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý phương tiện thủy thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người trên phạm vi địa giới hành chính do UBND cấp xã quản lý.

Điều 9. Điều kiện an toàn để hoạt động của phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm và phương tiện thủy thô sơ

1. Đối với phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm:

a) Thân phương tiện phải chắc chắn, không bị thủng, không bị rò nước vào bên trong; có một đèn chiếu sáng màu trắng nếu phương tiện hoạt động vào ban đêm; phương tiện chở người phải có đủ chỗ cho người ngồi cân bằng trên phương tiện và có đủ dụng cụ cứu sinh cho số người được phép chở trên phương tiện.

b) Máy lắp trên phương tiện phải dễ khởi động, chắc chắn, an toàn và hoạt động ổn định.

c) Mạn khô của phương tiện chở hàng phải đảm bảo bằng 100mm; mạn khô của phương tiện chở người phải đảm bảo bằng 200mm.

d) Phương tiện phải được đo đạc xác định kích thước, sức chở và được sơn vạch dấu mớn nước an toàn theo Điều 10 Quy định này.

2. Đối với phương tiện thủy thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 1 tấn hoặc có sức chở dưới 5 người (trừ bè) phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này.

3. Đối với bè: Vật liệu làm bè phải được liên kết với nhau thành thành một khối, đảm bảo chắc chắn trong quá trình vận chuyển; bè phải có đèn chiếu sáng màu trắng khi hoạt động vào ban đêm.

Điều 10. Xác định các kích thước cơ bản, xác định sức chở, sơn vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện

1. Xác định các kích thước cơ bản của phương tiện:

a) Chiều dài lớn nhất (ký hiệu L_{max}) tính bằng mét, đo theo chiều dọc trên boong ở mặt phẳng dọc tâm từ mút lái đến mút mũi phương tiện;

b) Chiều rộng lớn nhất (ký hiệu B_{\max}) tính bằng mét, đo theo chiều ngang trên boong ở mặt cắt rộng nhất phương tiện;

c) Chiều cao mạn (ký hiệu D) tính bằng mét, đo từ đáy phương tiện đến mép boong ở vị trí giữa chiều dài L_{\max} ;

d) Chiều chìm (ký hiệu d) tính bằng mét, đo từ đáy phương tiện đến mép trên của vạch dấu mớn nước an toàn ở vị trí giữa chiều dài L_{\max} .

2. Xác định sức chở của phương tiện:

a) Đối với phương tiện chở hàng: Sức chở là trọng tải toàn phần (từ 01 tấn đến dưới 05 tấn) được xếp trực tiếp và cân bằng trên phương tiện tương ứng với mạn khô của phương tiện bằng 100mm.

b) Đối với phương tiện chở người: Sức chở là số người (từ 05 người đến 12 người đối với phương tiện không có động cơ; và dưới 05 người đối với phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 5 sức ngựa) xếp đủ chỗ ngồi và cân bằng trên phương tiện tương ứng với mạn khô của phương tiện bằng 200mm.

3. Sơn vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện: Vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện được sơn bằng một vạch sơn có màu khác với màu sơn mạn phương tiện, vạch sơn có chiều rộng 25mm, chiều dài 250mm nằm ngang trên hai bên mạn tại vị trí giữa của chiều dài L_{\max} ; cách mép boong 100mm đối với phương tiện chở hàng; cách mép boong 200mm đối với phương tiện chở người.

Điều 11. Thủ tục đăng ký, đăng ký lại, cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký phương tiện và xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa

1. Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 21/2011/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Quy định này.

3. Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quản lý quy định tại Khoản 1 Điều 8 Quy định này cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa và Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa cho phương tiện.

4. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa thu, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định hiện hành.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các Sở, ngành

1. Sở Giao thông vận tải

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giao thông vận tải đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh; xây dựng quy hoạch bến khách ngang sông; chủ trì phối hợp với

các Sở, ngành liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra UBND cấp huyện, các phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Quản lý đô thị và UBND cấp xã trong việc thực hiện Quy định này và các quy định về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa.

b) Đối với những bến khách ngang sông nằm trên sông, kênh là địa giới hành chính giữa hai tỉnh, phối hợp với UBND cấp huyện làm việc, thống nhất với Sở Giao thông vận tải và UBND huyện liên quan trong việc cấp giấy phép hoạt động và tổ chức quản lý bến theo quy định về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa.

c) Quản lý, in phôi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa; cung cấp số đăng ký và phôi Giấy chứng nhận đăng ký cho Phòng Kinh tế và Hạ tầng (đối với các huyện), Phòng Quản lý đô thị (đối với thành phố Bắc Giang).

d) Chỉ đạo lực lượng Thanh tra Giao thông vận tải tăng cường kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm Quy định này và các quy định của pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.

đ) Định kỳ tổ chức đào tạo đào tạo cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận học tập pháp luật giao thông đường thủy nội địa theo quy định.

e) Tổng hợp mức thu phí vận tải khách ngang sông theo đề xuất của UBND cấp huyện đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

g) Thực hiện báo cáo định kỳ (6 tháng) và báo cáo đột xuất về tình hình hoạt động và thực hiện các quy định về giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và Bộ Giao thông vận tải theo quy định.

2. Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện tổ chức thực hiện Quy định này.

Điều 13. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. UBND cấp huyện

a) Quản lý hoạt động của bến khách ngang sông trên địa bàn huyện.

b) Lập sổ quản lý bến khách ngang sông theo Mẫu số 3 ban hành kèm theo Quy định này; chỉ đạo Phòng Kinh tế và Hạ tầng (đối với các huyện), Phòng Quản lý đô thị (đối với thành phố Bắc Giang) lập sổ quản lý phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm, sổ tổng hợp theo dõi quản lý phương tiện thủy thô sơ của các xã, phường, thị trấn trên địa bàn theo Mẫu số 4 và Mẫu số 5 ban hành kèm theo Quy định này.

c) Thực hiện báo cáo định kỳ (trước ngày 10 tháng 7 hàng năm và trước ngày 15 tháng 01 năm sau) và báo cáo đột xuất về tình hình quản lý hoạt động của bến, việc cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông; quản lý, đăng ký phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm và tình hình quản lý phương tiện thủy thô sơ của UBND cấp xã trên địa bàn báo cáo Sở Giao thông vận tải theo Mẫu số 6, Mẫu số 7 và Mẫu số 8 ban hành kèm theo Quy định này.

d) Tổng hợp danh sách cá nhân có nhu cầu học tập để được cấp bằng, chứng chỉ

chuyên môn, giấy chứng nhận học tập pháp luật giao thông đường thủy nội địa của UBND cấp xã trên địa bàn gửi Sở Giao thông vận tải để tổ chức đào tạo.

đ) Thực hiện các thủ tục hành chính về chấp thuận mở bến, cấp, cấp lại Giấy phép hoạt động, đình chỉ hoạt động và tạm đình chỉ hoạt động bến khách ngang sông trên địa bàn huyện.

Đối với bến khách ngang sông nằm trên sông, kênh là địa giới hành chính giữa hai tỉnh, phối hợp với Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang thống nhất với cơ quan quản lý bến bờ đối diện trong việc cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông và tổ chức quản lý bến theo quy định về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa. Đối với bến khách ngang sông nằm trên sông, kênh là địa giới hành chính giữa hai huyện trong tỉnh thì phối hợp với UBND cấp huyện bên bờ đối diện để cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông và quản lý hoạt động của bến theo quy định.

e) Chỉ đạo Phòng Kinh tế và Hạ tầng (đối với các huyện), Phòng Quản lý đô thị (đối với thành phố Bắc Giang) tổ chức quản lý phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm; thực hiện các thủ tục hành chính về đăng ký, đăng ký lại, cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa trên địa bàn huyện.

g) Đề xuất mức thu phí vận tải khách ngang sông gửi Sở Giao thông vận tải tổng hợp đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

h) Quy định việc đấu thầu đối với các bến khách ngang sông do UBND cấp xã làm chủ bến theo quy định hiện hành.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện chỉ đạo các cơ quan chức năng và UBND cấp xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa đến các chủ thể tham gia vận tải khách ngang sông và người dân; kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn huyện.

Điều 14. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Quản lý phương tiện thủy thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người trên địa bàn xã; rà soát, thống kê và lập sổ quản lý theo Mẫu số 1 ban hành kèm theo Quy định này.

2. Tổ chức tuyên truyền, vận động chủ phương tiện thủy nội địa thực hiện thủ tục đăng ký phương tiện, người điều khiển phương tiện tham gia học tập để được cấp chứng chỉ lái phương tiện, giấy chứng nhận học tập pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

3. Tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh, huyện kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trật tự an ninh, trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn xã.

4. Báo cáo định kỳ 6 tháng (trước ngày 05 tháng 7 hàng năm và trước ngày 10 tháng 01 năm sau) hoặc báo cáo đột xuất Phòng Kinh tế và Hạ tầng (đối với các

huyện), Phòng Quản lý đô thị (đối với thành phố Bắc Giang) về tình hình quản lý phương tiện thủy thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người trên địa bàn theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Quy định này.

5. Tổng hợp danh sách người điều khiển phương tiện tham gia học tập để được cấp bằng, chứng chỉ lái phương tiện, giấy chứng nhận học tập pháp luật giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn gửi UBND cấp huyện.

6. Tổ chức việc cứu người, phương tiện, hàng hóa và khắc phục hậu quả khi xảy ra tai nạn tại bến khách ngang sông, trên sông, kênh, hồ, đầm thuộc địa bàn quản lý.

7. Trường hợp UBND cấp xã là chủ bến khách ngang sông, ngoài việc thực hiện theo các quy định tại Điều này và Điều 15 Quy định này, UBND cấp xã phải có trách nhiệm:

a) Tổ chức tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân có năng lực tài chính, kinh nghiệm về kinh doanh vận tải khách ngang sông tham gia đấu thầu khai thác bến và đầu tư xây dựng bến khách ngang sông.

b) Ký hợp đồng khai thác bến với chủ khai thác bến khách ngang sông; tổ chức kiểm tra hoạt động của bến khách ngang sông, giá cước, phí vận tải áp dụng tại bến.

c) Hàng năm lập kế hoạch và dự toán đầu tư xây dựng và bảo trì cơ sở hạ tầng bến khách ngang sông.

8. Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm nếu để xảy ra mất an toàn giao thông đối với hoạt động của bến khách ngang sông thuộc địa bàn quản lý.

Điều 15. Trách nhiệm của chủ bến khách ngang sông

1. Thực hiện thủ tục chấp thuận mở bến khách ngang sông theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

2. Duy trì điều kiện an toàn để hoạt động của bến theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này.

3. Trường hợp cho thuê khai thác bến khách ngang sông thì phải thực hiện ký hợp đồng với chủ khai thác bến theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm của chủ khai thác bến khách ngang sông

1. Thực hiện thủ tục cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo quy định tại Điều 6 của Quy định này.

2. Không xếp hàng hóa quá kích thước, quá tải trọng cho phép, hàng hóa nguy hiểm hoặc hàng hóa thuộc danh mục cấm lưu thông hoặc nhận hành khách quá số lượng theo quy định.

3. Tham gia cứu người, hàng hóa, phương tiện khi xảy ra tai nạn; báo cáo và phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết; khắc phục hậu quả tai nạn và ô nhiễm môi trường (nếu có); chấp hành sự trung dụng bến khách ngang sông khi có yêu cầu của các cơ quan chức năng có thẩm quyền trong trường hợp khẩn cấp cứu người, hàng hóa, phương tiện khi xảy ra tai nạn hoặc khi có bão, lũ.

4. Chấp hành các quy định bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và phòng

chống lụt bão.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát và xử lý của cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông.

6. Thống nhất với chủ khai thác bến ngang sông trên bờ đối diện thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo quy định; thống nhất phương án điều hành, giá cước vận tải trong khung giá cước do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định để bảo đảm tính đồng bộ của hoạt động vận tải khách ngang sông tại bến và trật tự an toàn trong quá trình khai thác; thực hiện đầy đủ trách nhiệm về tài chính theo quy định.

7. Trường hợp chấm dứt hoạt động, chủ khai thác bến phải thông báo trước 30 ngày cho cơ quan cấp giấy phép hoạt động của bến khách ngang sông quy định tại Điều 4 của Quy định này và nộp lại Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông đã cấp.

Điều 17. Trách nhiệm của chủ phương tiện

1. Thực hiện đăng ký, đăng ký lại, cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Điều 11 Quy định này.

2. Đo đạc kích thước cơ bản, xác định sức chở, sơn vạch dấu món nước an toàn cho phương tiện theo quy định tại Điều 11 Quy định này.

3. Duy trì và bảo đảm các điều kiện an toàn của phương tiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 và Điều 9 Quy định này; chỉ giao điều khiển phương tiện cho người có đủ điều kiện theo quy định Khoản 3 Điều 5 Quy định này.

4. Chấp hành sự trung dụng phương tiện khi có yêu cầu của các cơ quan chức năng có thẩm quyền trong trường hợp khẩn cấp cứu người, hàng hóa, phương tiện khi xảy ra tai nạn hoặc khi có bão, lũ.

5. Thực hiện trục vớt phương tiện khi bị đắm; chịu trách nhiệm liên quan đến sự cố hoặc tai nạn giao thông xảy ra trong quá trình vận tải hành khách ngang sông đối với trường hợp đưa phương tiện vận tải khách ngang sông không đảm bảo điều kiện an toàn vào khai thác.

Điều 18. Trách nhiệm của người lái phương tiện vận tải khách ngang sông

1. Khi điều khiển phương tiện thủy nội địa phải mang theo bằng, chứng chỉ chuyên môn hoặc giấy chứng nhận học tập pháp luật về giao thông đường thủy nội địa phù hợp với phương tiện điều khiển và các giấy tờ liên quan đến phương tiện được cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Sắp xếp hành khách, hàng hóa cân bằng trên phương tiện; yêu cầu hành khách trên phương tiện sử dụng áo phao, dụng cụ nổi cá nhân theo đúng quy cách trong suốt hành trình của phương tiện; kiểm tra các điều kiện an toàn khác trước khi cho phương tiện rời bến.

3. Từ chối chuyên chở đối với những hành khách không tuân thủ việc mặc áo phao hoặc sử dụng dụng cụ nổi cá nhân theo hướng dẫn.

4. Tham gia cứu người, hàng hóa, phương tiện khi xảy ra tai nạn trong khu vực phương tiện đang hoạt động.

5. Chịu trách nhiệm về các sự cố hoặc tai nạn giao thông xảy ra trong quá trình vận tải hành khách ngang sông.

Điều 19. Trách nhiệm của hành khách khi tham gia giao thông bằng phương tiện vận tải hành khách ngang sông

1. Chấp hành sự hướng dẫn của thuyền viên và người lái phương tiện.

2. Sử dụng áo phao, dụng cụ nổi cá nhân trên phương tiện theo đúng quy cách.

3. Giữ gìn vệ sinh môi trường, không xả rác và các chất bẩn khác ở khu vực bến khách ngang sông.

4. Chịu trách nhiệm về những hậu quả xảy ra do việc không tuân thủ các quy định, hướng dẫn về sử dụng áo phao, dụng cụ nổi cá nhân theo đúng quy cách khi tham gia giao thông bằng phương tiện vận tải hành khách ngang sông.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông đã được cấp theo Quyết định số 14/2006/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2006 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Ban hành Quy định quản lý phương tiện thủy phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm; phương tiện thủy thô sơ và quy định quản lý bến khách ngang sông được sử dụng đến khi hết hạn ghi trên Giấy phép.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện các Sở, ngành, UBND các cấp, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh những phát sinh, vướng mắc, những nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế gửi về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lại Thanh Sơn

Mẫu số 1

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ (PHƯỜNG, THỊ TRẤN).....

SỔ QUẢN LÝ

**PHƯỜNG TIỆN THỦY THỘ SƠ CÓ TRỌNG TÀI TOÀN PHẦN DƯỚI 01 TẤN
HOẶC CÓ SỨC CHỞ DƯỚI 05 NGƯỜI**

Từ tháng năm 20

**DANH SÁCH QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY THÔ SƠ CÓ TRỌNG TÀI TOÀN PHẦN PHÂN DƯỚI 01 TẤN
HOẶC CÓ SỨC CHỜ DƯỚI 05 NGƯỜI**

TT	Số quản lý phương tiện	Họ, tên chủ phương tiện	Địa chỉ chủ phương tiện	Vùng hoạt động	Đặc điểm phương tiện							
					Lmax	Bmax	D	F	F	Sức chờ	Vật liệu vỏ	
1												
2												
3												
....												

Hướng dẫn điền biểu mẫu:

- Số quản lý phương tiện: Do UBND cấp xã lập, ví dụ: 001/AA-BB, trong đó: 001 là số thứ tự quản lý, AA chữ viết tắt tên xã, phường, thị trấn, BB viết tắt tên huyện;
- Vùng hoạt động: phạm vi sông, hồ, bến phương tiện thường xuyên hoạt động;
- Lmax: Chiều dài lớn nhất tính bằng mét;
- Bmax: Chiều rộng lớn nhất tính bằng mét;
- D: Chiều cao mạn tính bằng mét;
- F: Mạn khô tính bằng mét;
- Vật liệu vỏ: Loại vật liệu làm vỏ phương tiện.

Mẫu số 2

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ (PHƯỜNG),
THỊ TRẤN).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

Tình hình quản lý phương tiện thủy thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người
(Từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....)

TT	Số quản lý phương tiện	Họ, tên chủ phương tiện	Địa chỉ chủ phương tiện	Vùng hoạt động	Đặc điểm phương tiện					Vật liệu vỏ	
					Lmax	Bmax	D	F	F		Sức chở
1											
2											
3											
....											

Nơi nhận:

- UBND cấp huyện;
- Phòng KT&HT;
- Lưu ...

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn điền biểu mẫu:

- Số quản lý phương tiện: Do UBND cấp xã lập, ví dụ: 001/AA-BB, trong đó: 001 là số thứ tự quản lý, AA chữ viết tắt tên xã, phường, thị trấn, BB viết tắt tên huyện;
- Vùng hoạt động: phạm vi sông, hồ, bên phương tiện thường xuyên hoạt động;
- Lmax: Chiều dài lớn nhất tính bằng mét;
- Bmax: Chiều rộng lớn nhất tính bằng mét;
- D: Chiều cao mạn tính bằng mét;
- F: Mạn khô tính bằng mét;
- Vật liệu vỏ: Loại vật liệu làm vỏ phương tiện.

Mẫu số 3

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN (THÀNH PHỐ).....

**SỔ QUẢN LÝ
BẾN KHÁCH NGANG SÔNG**

Từ tháng năm 20

DANH SÁCH BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
Có từ tháng năm 20.....

TT	Tên bến/ Tên Sông	Bờ..... Km+	Địa danh	Đơn vị quản lý khai thác bến	Vùng nước		Quy mô, kết cấu bến cấp phương tiện			Đường lên xuống			Đèn chiếu sáng	Báo hiệu ĐTND	Nơi chờ	Giấy phép mở bến Số/thời gian cấp	Nộp ngân sách hàng năm	
					Dài (m)	Rộng (m)	Dài (m)	Rộng (m)	Kết cấu	Dài (m)	Rộng (m)	Kết cấu						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	

Hướng dẫn điền biểu mẫu:

- Cột 1: Ghi số thứ tự bến;
- Cột 2: Ghi Tên của bến và tên sông, hồ;
- Cột 3: Ghi bến thuộc bờ phía trái hoặc phải của sông, tại ki lô mét số mấy + bao nhiêu mét;
- Cột 4: Ghi địa danh thôn, bản, xã nơi có bến;
- Cột 5: Các bến hiện có trên địa bàn tỉnh ghi UBND xã, phường, thị trấn; bến do tổ chức, cá nhân mở, tự đầu tư xây dựng ghi tên tổ chức cá nhân được giao quản lý bến;
- Cột 6: Ghi chiều dài tính bằng mét vùng nước trước bến tính từ thượng lưu về hạ lưu;
- Cột 7: Ghi chiều rộng tính bằng mét vùng nước trước bến tính từ mép bến trở ra phí sông;
- Cột 8: Ghi chiều dài tính bằng mét bến cấp phương tiện bến tính từ thượng lưu về hạ lưu;
- Cột 9: Ghi chiều rộng tính bằng mét bến cấp phương tiện bến tính từ mép bến trở lên phía bờ;
- Cột 10: Ghi kết cấu vật liệu của bến là bê tông, cấp phối hay đường đất;
- Cột 11: Ghi chiều dài đường lên xuống tính bằng mét từ bến cấp phương tiện đến điểm đầu nối với đường giao thông công cộng;
- Cột 12: Ghi chiều rộng của đường lên xuống bến;
- Cột 13: Ghi kết cấu vật liệu của đường là bê tông, cấp phối hay đường đất;
- Cột 14: Ghi Số lượng đèn chiếu sáng (nếu có);
- Cột 15: Ghi số lượng báo hiệu đường thủy nội địa;
- Cột 16: Ghi diện tích nơi chờ tính bằng m²;
- Cột 17: Ghi số Giấy phép hoạt động cấp, ngày tháng năm cấp giấy phép;
- Cột 18: Ghi số tiền nộp theo thỏa thuận tại hợp đồng khai thác bến.

Mẫu số 4

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN.....
(PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ BẮC GIANG)

SỔ QUẢN LÝ

**PHƯƠNG TIỆN THỦY LOẠI PHẢI ĐĂNG KÝ
NHƯNG KHÔNG THUỘC ĐIỆN ĐĂNG KIỂM**

Từ tháng năm 20

DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN THỦY LOẠI PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC ĐIỆN ĐĂNG KIỂM

Có từ tháng năm 20.....

TT	Tên phương tiện	Số đăng ký hành chính	Vùng hoạt động	Họ, tên chủ Phương tiện	Địa chỉ chủ Phương tiện	Đặc điểm phương tiện								
						Lmax/ L	Bmax/ B	D/d	F	P	Sức chở	Vật liệu vỏ	Năm đóng	
1														
2														
3														
4														
5														
...														

Hướng dẫn điền biểu mẫu:

- Tên phương tiện: Do chủ phương tiện tự đặt tên, nếu không đặt tên bỏ trống phần này;
- Số đăng ký hành chính: Theo số được cấp, ví dụ: BG – 9999;
- Vùng hoạt động: phạm vi sông, hồ, bến phương tiện thường xuyên hoạt động;
- Lmax: Chiều dài lớn nhất tính bằng mét; L: chiều dài thiết kế tính bằng mét;
- Bmax: Chiều rộng lớn nhất tính bằng mét; B: chiều rộng thiết kế tính bằng mét;
- D: Chiều cao mạn tính bằng mét; d: Chiều chìm tính bằng mét;
- F: Mạn khô tính bằng mét; P: Công suất máy tính bằng sức ngựa;
- Sức chở: Là trọng tải toàn phần tính bằng tấn hoặc số người được phép chở trên phương tiện;
- Vật liệu vỏ: Loại vật liệu làm vỏ phương tiện;
- Năm đóng: Năm sản xuất phương tiện.

Mẫu số 5

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN.....
(PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ BẮC GIANG)

SỔ THEO DÕI QUẢN LÝ

**PHƯƠNG TIỆN THỦY THỘ SƠ CỐ TRỌNG TẢI TOÀN PHẦN DƯỚI 01 TẤN
HOẶC CỐ SỨC CHỖ DƯỚI 05 NGƯỜI**

Từ tháng năm 20

**DANH SÁCH QUẢN LÝ
PHƯƠNG TIỆN THỦY THỖ SƠ CỐ TRỌNG TẠI TOÀN PHẦN PHÂN DƯỚI 01 TẤN
HOẶC CÓ SỨC CHỖ DƯỚI 05 NGƯỜI
Có từ thángnăm 20.....**

TT	Số quản lý phương tiện	Họ, tên chủ phương tiện	Địa chỉ chủ phương tiện	Vùng hoạt động	Đặc điểm phương tiện							
					Lmax	Bmax	D	F	F	Sức chở	Vật liệu vỏ	
1												
2												
3												
....												

Hướng dẫn điền biểu mẫu:

- Số quản lý phương tiện: Do UBND cấp xã lập, ví dụ: 001/AA-BB, trong đó: 001 là số thứ tự quản lý, AA chữ viết tắt tên xã, phường, thị trấn, BB viết tắt tên huyện;
- Vùng hoạt động: phạm vi sông, hồ, bến phương tiện thường xuyên hoạt động;
- Lmax: Chiều dài lớn nhất tính bằng mét;
- Bmax: Chiều rộng lớn nhất tính bằng mét;
- D: Chiều cao mạn tính bằng mét;
- F: Mạn khô tính bằng mét;
- Vật liệu vỏ: Loại vật liệu làm vỏ phương tiện.

Mẫu số 6

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN (THÀNH PHỐ).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

Tình hình cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông
(Từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....)

TT	Tên bến	Vị trí bến (km.... thuộc bờ phải hay trái của sông)	Địa danh	Đơn vị quản lý bến	Tên chủ khai thác bến	Số giấy phép; ngày phép;	Ngày hết hạn	Số biên đăng ký phương tiện tham gia hoạt động tại bến	Sức chở phương tiện	Tên chủ phương tiện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

Nơi nhận:

- Sở GTVT;
- Lưu ...

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn điền biểu mẫu:

- Cột 1: Ghi số thứ tự bến;
- Cột 2: Ghi tên của bến;
- Cột 3: Ghi bến thuộc bờ phía trái hoặc phải của sông, tại ki lô mét số mấy + bao nhiêu mét;
- Cột 4: Ghi địa danh thôn, bản, xã nơi có bến;
- Cột 5: Các bến hiện có trên địa bàn tỉnh ghi UBND xã, phường, thị trấn; bến do tổ chức, cá nhân mở, tự đầu tư xây dựng ghi tên tổ chức cá nhân được giao quản lý bến;
- Cột 6: Ghi họ, tên chủ khai thác bến;
- Cột 7: Ghi số Giấy phép hoạt động cấp, ngày tháng năm cấp giấy phép;
- Cột 8: Ghi ngày tháng năm hết hạn của giấy phép;
- Cột 9: Ghi số biên số đăng ký của phương tiện, nếu chưa đăng ký để trống;
- Cột 10: Ghi số lượng người, hàng được phép chuyên chở;
- Cột 11: Ghi họ tên chủ phương tiện.

Mẫu số 7

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
(THÀNH PHỐ).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

Tình hình đăng ký phương tiện thủy loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm
(Từ ngày..... tháng..... năm.....đến ngày..... tháng..... năm.....)

TT	Tên phương tiện	Số đăng ký hành chính	Vùng hoạt động	Họ, tên chủ phương tiện	Địa chỉ chủ Phương tiện	Đặc điểm phương tiện								
						Lmax/ L	Bmax/ B	D/d	F	P	Sức chở	Vật liệu vỏ	Năm đóng	
1														
2														
...														

Nơi nhận:

- Sở GTVT;
- Lưu ...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn điền biểu mẫu:

- Tên phương tiện: Do chủ phương tiện tự đặt tên, nếu không đặt tên bỏ trống phần này;
- Số đăng ký hành chính theo số được cấp, ví dụ: BG – 9999
- Vùng hoạt động: phạm vi sông, hồ, bến phương tiện thường xuyên hoạt động;
- Lmax: Chiều dài lớn nhất tính bằng mét; L: chiều dài thiết kế tính bằng mét;
- Bmax: Chiều rộng lớn nhất tính bằng mét; B: chiều rộng thiết kế tính bằng mét;
- D: Chiều cao mạn tính bằng mét; d: Chiều chìm tính bằng mét;
- F: Mạn khô tính bằng mét; P: Công suất máy tính bằng sức ngựa
- Sức chở: Là trọng tải toàn phần tính bằng tấn hoặc số người được phép chở trên phương tiện.
- Vật liệu vỏ: Loại vật liệu làm vỏ phương tiện;
- Năm đóng: Năm sản xuất phương tiện.

Mẫu số 8

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
(THÀNH PHỐ).....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

Tình hình quản lý phương tiện thủy thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người
(Từ ngày..... tháng..... năm.....đến ngày..... tháng..... năm.....)

TT	Số quản lý phương tiện	Họ, tên chủ phương tiện	Địa chỉ chủ phương tiện	Vùng hoạt động	Đặc điểm phương tiện						
					Lmax	Bmax	D	F	F	Sức chở	Vật liệu vỏ
1											
2											
3											
....											

Nơi nhận:

- Sở GTVT;
- Lưu ...

• Hướng dẫn điền biểu mẫu:

- Số quản lý phương tiện: Do UBND cấp xã lập, ví dụ: 001/AA-BB, trong đó: 001 là số thứ tự quản lý, AA chữ viết tắt tên xã, phường, thị trấn, BB viết tắt tên huyện;
- Vùng hoạt động: phạm vi sông, hồ, bến phương tiện thường xuyên hoạt động;
- Lmax: Chiều dài lớn nhất tính bằng mét;
- Bmax: Chiều rộng lớn nhất tính bằng mét;
- D: Chiều cao mạn tính bằng mét;
- F: Mạn khô tính bằng mét;
- Vật liệu vỏ: Loại vật liệu làm vỏ phương tiện.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)